

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 24-3-2026.

V/v Ly hôn giữa bà T và ông L.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Thắng.

2. Ông Nguyễn Tổng Nê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1982.

Căn cước số: T1; cấp ngày: 10/10/2024; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

ĐKTT: Khu phố C, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: khu phố T, phường S, tỉnh Vĩnh Long.

Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

*** Bị đơn:**

Ông Lê Ngọc L, sinh năm 1971.

CMND số: L1; cấp ngày: 04/4/1991; nơi cấp: Công an tỉnh B.

ĐKTT: Khu phố C, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt nguyên đơn Phan Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Lê Ngọc L tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại U, thị xã B, tỉnh Bến Tre. Đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có khả năng hàn gắn nên đã sống ly

thân. Do xác định tình cảm không còn nên bà xin được ly hôn với ông Lê Ngọc L.

Về con chung: có Lê Phan Huỳnh T1, sinh ngày 23/3/2002 và Lê Ngọc M, sinh ngày 25/02/2005, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Vì lý do công việc, bà không thể trực tiếp tham gia vụ án nên có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh T. Bà Phan Thị Thanh T được ly hôn với ông Lê Ngọc L.

+ Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: bà L khai không có.

+ Về án phí: đương sự nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà T khởi kiện xin ly hôn, bị đơn ông Lê Ngọc L có địa chỉ cư trú tại phường P, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long thụ lý giải quyết vụ án “*Xin ly hôn*” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Phan Thị Thanh T.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời bị đơn đến để tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Ngọc L.

[4] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông L tự nguyện kết hôn và đã được UBND Phường X, thị xã B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/4/2005 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tòa án đã triệu tập ông L để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông L đều vắng mặt, cũng không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thể hiện ông L không có nhu cầu hàn gắn quan

hệ hôn nhân. Từ đó, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

[5] Về con chung: có Lê Phan Huỳnh T1, sinh ngày 23/3/2002 và Lê Ngọc M, sinh ngày 25/02/2005, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà T phải nộp theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh T. Bà Phan Thị Thanh T được ly hôn với ông Lê Ngọc L.

2. Về con chung: có Lê Phan Huỳnh T1, sinh ngày 23/3/2002 và Lê Ngọc M, sinh ngày 25/02/2005, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: bà Phan Thị Thanh T phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005884 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Phan Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- Đương sự
- VKSND Khu vực 5 - Vĩnh Long.
- THADS Khu vực 5 - Vĩnh Long.
- UBND xã phường P, tỉnh Vĩnh Long (ĐKKH tại Phường X, tx BT, tỉnh Bến Tre).
- Văn phòng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương